

# HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 76/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Lâm nghiệp)*

Ngày 15 tháng 8 năm 2007, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (sau đây gọi tắt là Quy chế 43).

Ngày 27 tháng 12 năm 2012, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về nguyên tắc, Nhà trường chỉ đạo thực hiện đúng tinh thần cơ bản của Quy chế ban hành theo Quy chế 43 trong đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Tuy nhiên, để làm rõ những nội dung cơ bản của Quy chế để các Đơn vị, Cán bộ giảng dạy và Sinh viên thống nhất thực hiện, Hiệu trưởng quy định một số điểm vận dụng và cụ thể hoá một số điều của Quy chế này nhằm thống nhất về mặt quản lý, chỉ đạo trong quá trình thực hiện và tổ chức đào tạo của Trường Đại học Lâm nghiệp. *Các nội dung cụ thể hóa được in nghiêng trong Hướng dẫn này.*

## **Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học thực hiện theo hệ thống tín chỉ đang học tại trường Đại học Lâm nghiệp.

### **Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần**

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.
2. Mỗi chương trình được xây dựng gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song hành, kiểu ngành chính, ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. *Các học phần trong một khối kiến thức của cùng nhóm ngành thường có số tín chỉ và thời lượng như nhau nhằm đảm bảo tính liên thông ngang, góp phần thuận tiện cho vận hành kế hoạch đào tạo và đăng ký học của sinh viên.*

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần. *Đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo do Hiệu trưởng phê duyệt.*

4. Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp ban hành chương trình đào tạo thực hiện trong trường, với khối lượng của mỗi chương trình không dưới 180 tín chỉ đối với khoá đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khoá đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khoá đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 2 năm. *Khi cần điều chỉnh trong quá trình vận hành, Hội đồng khoa học-đào tạo khoa phụ trách ngành học phải có văn bản kiến nghị lên Hội đồng khoa học-đào tạo trường. Kiến nghị chỉ có hiệu lực sau khi được Hội đồng khoa học-đào tạo trường đồng ý.*

### **Điều 3. Học phần và tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

#### **2. Các loại học phần**

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

*c) Học phần tiên quyết: Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, nghĩa là sinh viên phải học xong học phần A mới được đăng ký học phần B. Trong một số trường hợp, học phần A và B có thể học song hành khi có đề nghị của Hội đồng khoa học-đào tạo khoa.*

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết bài tập, thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đề án, khoá luận tốt nghiệp và 01 tuần thực tập tại cơ sở.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Hiệu trưởng các trường quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của trường trong từng giai đoạn.

4. Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của Giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học của sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc với sinh viên ngoài giờ lên lớp.

5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

#### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

*Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 07 giờ đến 20 giờ 50 phút từ thứ Hai đến thứ Bảy hàng tuần và được chia thành 13 tiết học. Ưu tiên bố trí giờ giảng lý thuyết trong khung giờ hành chính (từ 07 giờ đến 17 giờ 50 phút). Tùy theo điều kiện cụ thể của từng học kỳ, Hiệu trưởng nhà trường sẽ có quyết định riêng.*

*Phòng đào tạo căn cứ vào số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức, điều kiện cơ sở vật chất và số lượng Cán bộ giảng dạy của nhà trường để sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp theo từng học kỳ.*

#### **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học *trong chương trình tương ứng* của học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy *trong mỗi chương trình* là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D) tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá theo thang điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D) mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ *trong chương trình học tương ứng*.

## **Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ

a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khoá học được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo;
- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 03 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng căn cứ vào chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, nhu cầu học của sinh viên và đề nghị của cán bộ giảng dạy để xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 05 tuần thực học, 01 tuần thi và được bố trí vào thời gian nghỉ hè.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

*Đầu khóa học, Trường đại học Lâm nghiệp thông báo công khai cho sinh viên về chương trình đào tạo; danh sách các học phần bắt buộc, học phần tự chọn; các quy định về học tập, kiểm tra, thi, đánh giá xếp loại học tập và công nhận tốt nghiệp; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.*

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, cộng với 2 học kỳ đối với các khoá học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khoá học từ 3 đến dưới 5 năm; 6 học kỳ đối với các khoá học từ 5 đến 6 năm.

Trong một số trường hợp, Hiệu trưởng quy định thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

## **Điều 7. Đăng ký nhập học**

1. Thí sinh trúng tuyển, khi đăng ký nhập học vào trường Đại học Lâm nghiệp, phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại phòng Chính trị và công tác sinh viên.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và Nhà trường cấp cho Sinh viên:

a) Sổ tay sinh viên;

b) Thẻ sinh viên;

c) Tài khoản truy cập vào Website tác nghiệp tín chỉ của nhà trường.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

## **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo**

1. Đối với những trường xác định điểm trúng tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Đối với những trường xác định điểm trúng tuyển theo nhóm chương trình (hoặc theo nhóm ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khoá học trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào đăng ký chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo), điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, trường sắp xếp sinh viên vào các chương trình (hoặc ngành đào tạo). Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo) theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng chương trình (hoặc ngành đào tạo) để sinh viên đăng ký.

### **Điều 9. Tổ chức lớp học**

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ và *có thời khóa biểu riêng*. Hiệu trưởng quy định số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy trong trường, *cụ thể như sau*:

a) *Lớp học lý thuyết: tối thiểu 20 sinh viên, tối đa 200 sinh viên.*

b) *Lớp bài tập, thảo luận nhóm, ngoại ngữ, tin học, vẽ kỹ thuật: tối thiểu 40 sinh viên, tối đa 100 sinh viên.*

c) *Các nhóm làm việc ở phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập, các xưởng sản xuất: tối thiểu 20 sinh viên, tối đa 40 sinh viên.*

*Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng sẽ quyết định quy mô các lớp được ghi trong mục a, b và c của điều này trên cơ sở đề nghị của Bộ môn được Khoa trực tiếp quản lý phê duyệt.*

d) Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định đối với các lớp lý thuyết thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác đủ điều kiện mở lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về số lượng tín chỉ học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ. *Trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng sẽ có quyết định riêng.*

### **Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập**

1. *Đầu mỗi năm học, Nhà trường sẽ thông báo lịch trình học dự kiến cho từng ngành, từng khóa trong từng học kỳ; danh sách các học phần bắt buộc, tự chọn dự kiến sẽ dạy và kế hoạch thi trong từng học kỳ vào tài khoản của sinh viên.*

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với Phòng đào tạo của trường. Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

Tùy điều kiện đào tạo, Hiệu trưởng sẽ xem xét và quyết định các hình thức đăng ký thích hợp.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Việc đăng ký học được thực hiện trên hệ thống đăng ký học tín chỉ của nhà trường theo hướng dẫn cụ thể của Phòng đào tạo trước thời điểm đăng ký học. Tổng số tín chỉ sinh viên đăng ký được sau khi kết thúc thời gian đăng ký học sẽ được thể hiện trên tài khoản cá nhân và lưu trữ trên hệ thống tác nghiệp tín chỉ của nhà trường.

### **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 02 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 01 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Trong một số trường hợp, căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên Nhà trường sẽ có quyết định riêng nhưng không muộn quá 03 tuần kể từ đầu học kỳ chính và 02 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn trên, học phần sinh viên đã đăng ký học sẽ được giữ nguyên trong trên hệ thống và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sau 02 tuần kể từ đầu học kỳ chính và sau 01 tuần kể từ đầu học kỳ phụ, sinh viên tự tiến hành rút bớt các học phần đã đăng ký trên tài khoản cá nhân.

b) Trong tuần thứ 03 kể từ đầu học kỳ chính và tuần thứ 02 kể từ đầu học kỳ phụ, sinh viên phải viết đơn gửi Phòng đào tạo để được xem xét hỗ trợ.

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy chế này.

### **Điều 12. Đăng ký học lại**

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F sau hai lần thi phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F sau hai lần thi phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D và D+ để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

*Điểm cao nhất trong các lần học sẽ được công nhận là điểm chính thức của học phần.*

### **Điều 13. Nghỉ ốm**

*Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học phải viết đơn xin phép (kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, y tế địa phương hoặc của bệnh viện) có xác nhận của Cố vấn học tập và gửi Giảng viên phụ trách môn học trong vòng một tuần kể từ ngày nghỉ ốm.*

*Sinh viên bị ốm trước khi có kế hoạch thi phải viết đơn (kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, y tế địa phương hoặc của bệnh viện) gửi Phòng đào tạo để được xem xét hoãn bố trí lịch thi.*

*Sinh viên bị ốm sau khi lịch thi đã được công bố trên tài khoản cá nhân cần làm đơn xin hoãn thi (kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, y tế địa phương hoặc của bệnh viện) gửi cán bộ coi thi trong buổi thi hoặc gửi Phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng trong vòng 02 ngày kể từ ngày thi.*

*Sinh viên xin hoãn thi vì các lý do khác phải có đơn kèm theo minh chứng gửi về Phòng đào tạo nếu chưa có lịch thi hoặc Phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng nếu lịch thi đã được công bố trên tài khoản cá nhân để được xem xét giải quyết.*

### **Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo: sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm thứ hai, sinh viên năm thứ ba, sinh viên năm thứ tư, sinh viên năm thứ năm, sinh viên năm thứ sáu. Tùy thuộc khối lượng của từng chương trình quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này, Hiệu trưởng quy định cụ thể giới hạn khối lượng kiến thức để chuyển xếp hạng năm đào tạo như sau:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 35 tín chỉ;*
- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 35 đến dưới 70 tín chỉ;*
- c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 70 đến dưới 105 tín chỉ;*
- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 105 đến dưới 140 tín chỉ;*
- e) Sinh viên năm thứ năm: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 140 tín chỉ trở lên.*

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.*
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.*

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua Phòng Chính trị và Công tác sinh viên) xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (*qua Phòng Chính trị và Công tác sinh viên*) ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

### **Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ (*trừ kỳ sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp*) nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình.

1.1. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

- a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;
- b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
- c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Tuỳ theo đặc điểm của từng học kỳ, năm học, Hiệu trưởng quy định áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của sinh viên, nhưng không vượt quá 2 lần liên tiếp.

1.2. Cảnh báo kết quả học tập có 02 mức:

*a) Cảnh báo kết quả học tập mức 1: là mức cảnh báo đối với sinh viên lần đầu phạm phải điều kiện cảnh báo kết quả học tập tại mục 1.1;*

*b) Cảnh báo kết quả học tập mức 2: là mức cảnh báo đối với sinh viên phạm phải điều kiện cảnh báo kết quả học tập tại mục 1.1 và đã bị cảnh báo kết quả học tập ở học kỳ trước liền kề;*

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

*a) Nhận cảnh báo kết quả học tập mức 2;*

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;



c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

d) Không đăng ký học, tự ý bỏ học không có lý do trong một học kỳ;

3. Trong vòng một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, nhà trường sẽ có thông báo về gia đình và trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu (*điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00*);

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

### **Điều 18. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;
- b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;
- c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa (*năm cuối cùng của thời gian đào tạo được quy định ở khoản 3, Điều 6 của Quy định này*);
- d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

### 3. Thủ tục chuyển trường:

- a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;
- b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

## **Chương III KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN**

### **Điều 19. Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do *Bộ môn và Khoa phụ trách môn học đề xuất*, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận. *Riêng đề thi kết thúc học phần phải được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi của Nhà trường.*

### **Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị

*điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính (trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng sẽ có Quyết định riêng).*

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo của từng năm học, Hiệu trưởng quy định thời gian thi cho các kỳ thi.

### **Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đó quy định trong chương trình và được lấy từ ngân hàng đề thi của Nhà trường.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần. Hình thức thi phải được thông báo cho sinh viên ngay khi học phần bắt đầu. Khi thay đổi hình thức thi phải có ý kiến của Trưởng bộ môn, Hội đồng khoa học-đào tạo Khoa và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Chủ nhiệm Bộ môn có trách nhiệm kiểm tra và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng nhà trường về tính chính xác của kết quả chấm thi.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Chủ nhiệm bộ môn hoặc Chủ nhiệm khoa quyết định.

- Thi kết thúc học phần theo hình thức trắc nghiệm và thi trên máy tính được thực hiện theo quy định của Nhà trường. Điểm thi trắc nghiệm được công bố chậm nhất là 01 tuần kể từ ngày thi; điểm thi trên máy tính được công bố ngay sau khi kết thúc bài thi. Điểm thi trắc nghiệm và điểm thi trên máy được gửi về Bộ môn phụ trách môn học và bài thi được lưu trữ ít nhất là 2 năm kể từ ngày thi.

- Trong vòng 01 tuần kể từ ngày kết thúc giảng dạy học phần, Giảng viên tính điểm tích lũy quá trình của học phần, nhập điểm vào hệ thống tác nghiệp tín chỉ và gửi 01 bản in có chữ ký của Chủ nhiệm bộ môn về Phòng đào tạo, đồng thời công bố điểm cho sinh viên.

- Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng tổ chức đánh số phách, cắt phách và gửi các bộ môn chậm nhất sau 04 ngày kể từ ngày thi, giáo viên chấm và nộp điểm cho Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận bài thi.

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chuyển điểm về Phòng đào tạo chậm nhất 02 ngày kể từ ngày nhận điểm của Giảng viên. Phòng đào tạo tính điểm đánh giá học phần, trong đó có ghi rõ điểm tích lũy quá trình, điểm thi kết thúc học phần và điểm đánh giá cuối cùng. Điểm thi được công bố trên tài khoản cá nhân của các sinh viên, lưu trữ trên hệ thống và tại Phòng đào tạo.

- Sinh viên nhận điểm F ở kỳ thi chính được bảo lưu kết quả điểm quá trình để dự thi lại ở kỳ thi phụ sau đó. Nếu vẫn chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi phụ, thí sinh viên phải học lại học phần đó.

5. Sinh viên vắng mặt không lý do trong kỳ thi chính phải nhận điểm 0 và được dự thi một lần ở kỳ thi phụ sau đó. Trường hợp vắng mặt có lý do, sinh viên được dự thi ở kỳ thi phụ sau đó và điểm thi kết thúc học phần được tính là điểm thi lần đầu. Sinh viên vắng mặt ở kỳ thi phụ áp dụng như kỳ thi chính.

6. Phúc khảo điểm:

a) Đối với điểm quá trình, sinh viên khiếu nại trực tiếp với cán bộ giảng dạy. Việc thay đổi điểm quá trình chỉ được Phòng đào tạo thực hiện sau khi Chủ nhiệm bộ môn thông qua.

b) Đối với điểm thi kết thúc học phần:

Sau khi được thông báo kết quả thi kết thúc học phần, trong thời hạn 5 ngày làm việc, sinh viên có thể làm đơn xin phúc khảo kết quả bài thi gửi Phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng để được giải quyết. Kết quả phúc tra được thông báo chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo.

Các môn thi vấn đáp; thi dưới hình thức đánh giá điểm tiểu luận; thiết kế, đồ án môn học không tổ chức phúc khảo điểm.

Khi phát hiện có bất kỳ sự khác biệt nào giữa điểm thi đã công bố và điểm truy cập trên hệ thống Quản lý đào tạo, sinh viên cần làm đơn yêu cầu Phòng đào tạo kiểm tra lại các điểm tương ứng.

## **Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần**

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

<b>Thang điểm 10</b>				<b>Thang điểm 4</b>	
				<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm số</b>
<i>Từ</i>	8,5	<i>đến</i>	10	A	4,0
<i>Từ</i>	7,8	<i>đến</i>	8,4	B+	3,5
<i>Từ</i>	7,0	<i>đến</i>	7,7	B	3,0
<i>Từ</i>	6,3	<i>đến</i>	6,9	C+	2,5
<i>Từ</i>	5,5	<i>đến</i>	6,2	C	2,0
<i>Từ</i>	4,8	<i>đến</i>	5,4	D+	1,5
<i>Từ</i>	4,0	<i>đến</i>	4,7	D	1,0
<b>Dưới 4,0</b>				<b>F</b>	<b>0,0</b>

a) Loại đạt:

A	(8,5 - 10)	Giỏi
B+, B	(7,0 - 8,4)	Khá
C+, C	(5,5 - 6,9)	Trung bình
D+, D	(4,0 - 5,4)	Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I. Chưa đủ dữ liệu đánh giá

X. Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B+, B, C+, C, D+, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đó có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi *cần làm đơn theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này*;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan *cần làm đơn theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này*.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

5. Bảng điểm chương trình hai bao gồm toàn bộ điểm của các môn học được bảo lưu ở chương trình chính và điểm của các học phần theo học ở chương trình hai.

6. Điểm của sinh viên được công bố công khai trên tài khoản cá nhân, lưu trữ tại Phòng đào tạo và trên hệ thống để cán bộ giảng dạy, các đơn vị liên quan tra cứu.

### **Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số *như trong khoản 2, Điều 22 của Quy định này*.
2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

*A* là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

*a<sub>i</sub>* là điểm của học phần thứ *i*

*n<sub>i</sub>* là số tín chỉ của học phần thứ *i*

*n* là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

## **Chương IV**

### **XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 24. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp**

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

*a) Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của trường. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 10 tín chỉ cho trình độ đại học.*

*b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên đạt điều kiện làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp nhưng không làm và sinh viên không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình. Danh sách các học phần chuyên môn được Hội đồng khoa học-đào tạo trường phê duyệt cho từng khoa học trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học-đào tạo các Khoa chuyên môn.*

2. *Tùy theo điều kiện của trường trong từng năm học và đặc thù của từng ngành đào tạo, Hiệu trưởng quy định:*

*a) Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp;*

- b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;
- c) Hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;
- d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.
- e) Tên học phần chuyên môn mà sinh viên có thể chọn để đăng ký học.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp, Hiệu trưởng quyết định thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Tùy theo điều kiện của Nhà trường trong từng năm học, Hiệu trưởng quyết định hình thức tốt nghiệp cuối khoá.

### **Điều 25. Chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp**

1. Tùy theo từng chương trình, Hiệu trưởng quy định cách thức đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Việc đánh giá mỗi đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.
2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.
3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

### **Điều 26. Thực tập cuối khoá và điều kiện xét tốt nghiệp của một số ngành đào tạo đặc thù**

*Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khoá; hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của trường.*

### **Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
  - a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
  - b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;
  - c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
  - d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao. *Sinh viên được đánh giá hoàn thành môn học Giáo dục quốc phòng-an ninh và Giáo dục thể chất khi có điểm trung bình chung của các học phần đạt từ 5,0 trở lên và không có học phần nào có điểm dưới 4,0.*

*e) Trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình học theo quy định tại khoản 3, Điều 6 của Quy định này.*

f) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng chính trị và công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

### **Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.



5. Sinh viên đã hoàn thành các học phần chuyên môn của chương trình học còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và chưa hoàn thành môn học giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy chế này.

## **Chương V**

### **XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 29a. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đó vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

#### **Điều 29b. Tổ chức thực hiện**

1. Các trường lập kế hoạch và xây dựng lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ phù hợp với điều kiện cụ thể của trường mình.

2. Trên cơ sở những quy định của quy chế này, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể và lộ trình tiến đến đào tạo theo hệ thống tín chỉ hoàn chỉnh, các trường xây dựng quy định cụ thể của trường mình về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho hệ chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa và đào tạo liên thông.

3. Định kỳ các trường tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường.

4. Các trường được phép đánh giá và công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, làm cơ sở cho việc công nhận kiến thức đã tích lũy của sinh viên sử dụng trong trường hợp chuyển trường, học liên thông hoặc học tiếp lên trình độ cao hơn giữa các cơ sở đào tạo.

5. Để so sánh trong tuyển dụng, kết quả học tập toàn khoá của sinh viên đại học, cao đẳng giữa đào tạo theo tín chỉ và đào tạo theo niên chế được chuyển đổi tương đương theo hạng tốt nghiệp (theo hướng dẫn).

**HIỆU TRƯỞNG**  
(đã ký)  
**PGS.TS. Trần Văn Chú**